TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **405**/2025/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 22 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 428/2025/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Ké, xã S, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Trọng H**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Trọng H (Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2019 do Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, nay là Uỷ ban nhân dân phường M, tỉnh Tuyên Quang cấp 11/3/2019).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là Trần Minh K, sinh ngày 20/6/2019 cho chị Nguyễn Thị T Trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Anh Trần Trọng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Trọng H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn* đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001655 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, trả lại chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Trần Trọng H không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1, Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu.

Vương Thị Lan